



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
ITW RELEASE AGENT**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

Tên sản phẩm ITW RELEASE AGENT

Số hiệu sản phẩm Y0064

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất trợ tháo khuôn.

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

**Nguy hại vật chất** Flam. Aerosol 1 - H222 Khí chịu áp suất, chịu nén - H280

**Nguy hại về sức khỏe** Kích ứng mắt loại 2A - H319

**Nguy hại về môi trường** Không xếp loại

**Thành phần nhãn**

**Hình đồ**



**Từ cảnh báo**

Nguy hiểm

**Câu cảnh báo nguy cơ**

H222 Sol khí cực kỳ dễ cháy.  
H280 Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

## ITW RELEASE AGENT

### Câu phòng ngừa

P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc.

P264 Rửa sạch da bị nhiễm hóa chất sau khi sử dụng hóa chất.

P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.

P305+P351+P338 **NẾU DÍNH VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

P337+P313 Nếu bị kích ứng mắt: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.

P410+P412 Tránh ánh nắng mặt trời. Không tiếp xúc với nhiệt độ quá 50°C/122°F.

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

#### Hỗn hợp

<b>ACETONE</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 67-64-1	
<b>Phân loại</b>	
Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H336	
<b>PROPAN-2-OL</b>	<b>5-10%</b>
Số CAS: 67-63-0	
<b>Phân loại</b>	
Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H336	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu

##### Thông tin chung

Show this safety data sheet to the doctor in attendance

##### Sự hít phải

Nếu hít phải bụi nước/sương, làm theo hướng dẫn sau đây. Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.

##### Sự ăn phải

Không cố nôn ra. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế.

##### Tiếp xúc với da

Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

##### Tiếp xúc với mắt

Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

#### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

## ITW RELEASE AGENT

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
<b>Sự hít phải</b>	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Ho, thắt ngực, cảm giác tức ngực. Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Có thể gây kích ứng.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Kích ứng trầm trọng, bỏng rát, chảy nước mắt và thị lực mờ.

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

**Ghi chú cho bác sĩ** Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### Cách chữa cháy

**Cách chữa cháy phù hợp** Dập lửa với bọt chống cồn, cacbon dioxit, bột khô. Các thùng chứa gần đám cháy nên được rời đi hoặc làm mát với nước.

**Cách chữa cháy không phù hợp** Nước.

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

**Những nguy hại cụ thể** Sol khí cực kỳ dễ cháy. Có thể nổ khi bị gia nhiệt hoặc tiếp xúc với ngọn lửa hoặc tia lửa. Thùng chứa chịu áp suất: có thể nổ tung nếu bị gia nhiệt. Một đám cháy tốc độ cao có thể khiến các thùng sol khí nổ tung.

**Các sản phẩm cháy nguy hại** Khí hoặc hơi độc hại. Cacbon dioxit (CO<sub>2</sub>). Cacbon monoxit (CO).

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

**Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy** Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt bằng bình xịt nước và đưa chúng ra khỏi khu vực cháy nếu có thể thực hiện một cách an toàn.

**Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

### **PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn**

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

**Những cảnh báo cho cá nhân** Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Avoid inhalation of spray mist and contact with skin and eyes. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

#### Các cảnh báo về môi trường

**Những cảnh báo về môi trường** Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

#### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Các phương pháp lau dọn** Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trơ khác. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại. Ngừng chảy rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ.

#### Tham khảo cho các phần khác

## ITW RELEASE AGENT

**Tham khảo cho các phần khác** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

### PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

#### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Sử dụng và mở thùng chứa một cách cẩn thận. Tránh hít phải hơi và bụi nước/sương. Tránh xa các nguồn phát lửa - Không hút thuốc. Ngăn chặn điện tĩnh và sự hình thành các tia lửa điện. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Không xuyên thủng hoặc đốt, kể cả sau khi sử dụng. Nối thùng chứa và thiết bị thu nhận với nhau.

#### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Tránh xa các nguồn phát lửa - Không hút thuốc. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

#### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

### PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

**Chú thích thành phần** WEL = Workplace Exposure Limits

#### Quản lý phơi nhiễm

##### Thiết bị bảo hộ



**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

**Bảo hộ mắt/mặt** Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Trừ khi việc đánh giá cho thấy cần một mức độ bảo vệ cao hơn, nên đeo thiết bị bảo vệ sau đây: Kính bảo hộ bó sát. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

**Bảo hộ tay** Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

**Bảo hộ khác cho da và cơ thể** Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

**Các biện pháp về vệ sinh** Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc.

**Bảo hộ cho hô hấp** Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

**Hình dáng bên ngoài** Sol khí.

## ITW RELEASE AGENT

<b>Màu sắc</b>	Trắng.
<b>Mùi đặc trưng</b>	Mùi ngọt. Ete.
<b>Điểm nóng chảy</b>	<-130°C
<b>Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi</b>	-25°C @
<b>Điểm chớp cháy</b>	-100°C
<b>Tỷ lệ hóa hơi</b>	Fast
<b>Điểm cháy trên/dưới hoặc giới hạn gây nổ</b>	Giới hạn cháy/nổ dưới: 1.8 Giới hạn cháy/nổ trên: 9.4
<b>Áp suất hơi</b>	>210 @ °C
<b>Tỷ trọng hơi</b>	1.91
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	<1 @ 20 °C°C
<b>Tính tan</b>	Tan trong nước.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	>200°C
<b>Độ nhớt</b>	Non- viscous @ °C
<b>Thông tin khác</b>	Không có.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

<b>Khả năng hoạt động của chất</b>	Axit. Chất oxy hóa mạnh. Chất khử mạnh.
<b>Mức độ ổn định của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không có.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Chất oxy hóa mạnh. Chất khử mạnh. Tránh tiếp xúc với axit. Kiềm - vô cơ. Kiềm - hữu cơ.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin. Toxic gases/vapours/fumes of: Hydro florua (HF).

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

<b>Sự hít phải</b>	Gây hại nếu hít phải. Hơi có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Kích ứng trầm trọng, bỏng rát, chảy nước mắt và thị lực mờ.
<b>Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính</b>	Tiếp xúc kéo dài và lặp lại với dung môi trong một thời gian dài có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe lâu dài. Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại với hơi ở nồng độ cao có thể gây ra những tác hại sau: Buồn nôn, nôn mửa. Đau đầu.

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

## ITW RELEASE AGENT

<b>Độc tính môi sinh</b>	Avoid release to the environment.
<b>Độc tính</b>	Không được cho là gây độc cho cá.
<b><u>Độ bền vững và độ phân hủy</u></b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Sản phẩm này phân hủy sinh học vừa phải.
<b><u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Sản phẩm này không tích tụ sinh học.
<b><u>Tính di động trong đất</u></b>	
<b>Tính di động</b>	Sản phẩm này tan trong nước. Sản phẩm này chứa các chất dễ bay hơi, có thể lan rộng ra môi trường.
<b><u>Các tác động có hại khác</u></b>	
<b>Các tác động có hại khác</b>	Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

<b>Thông tin chung</b>	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
<b>Các phương pháp thải bỏ</b>	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
<b>Nhóm chất thải</b>	16 05 05

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

#### Số UN

<b>Số UN (Đường bộ/Đường sắt)</b>	1950
<b>Số UN (IMDG)</b>	1950
<b>Số UN (ICAO)</b>	1950

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

<b>Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)</b>	AEROSOLS
<b>Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)</b>	AEROSOLS
<b>Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)</b>	AEROSOLS

#### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

<b>Nhóm Đường bộ/Đường sắt</b>	2.1
<b>Nhãn Đường bộ/Đường sắt</b>	2.1
<b>Nhóm IMDG</b>	2.1
<b>Nhóm/ mục ICAO</b>	2.1

**ITW RELEASE AGENT****Nhãn vận chuyển****Nhóm đóng gói**

Không áp dụng.

**Các nguy hại về môi trường****Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh**

Không.

**Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng**

EmS F-D, S-U

**PHẦN 15: Thông tin luật định****PHẦN 16: Thông tin khác**

<b>Ý kiến sửa đổi</b>	Công thức đã hiệu chỉnh. LƯU Ý: Các đường kẻ bên trong đường lè chỉ ra sự thay đổi lớn so với phiên bản trước đó.
<b>Ngày sửa đổi</b>	26/04/2018
<b>Sửa đổi</b>	11
<b>Ngày thay thế</b>	08/05/2017
<b>Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ</b>	H222 Sol khí cực kỳ dễ cháy. H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy. H280 Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H336 Có thể buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.